

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1110 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 7 năm 2012

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số:.....1095.....
HẸN	Ngày: 23/1/7.....
	Chuyên:.....

## **QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐẶT HÀNG CUNG ỨNG  
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2012 ĐỐI VỚI CÔNG TY  
CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức có thuê mướn lao động;

Căn cứ Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 04/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm trong các công ty nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Quyết định số 217/2008/QĐ-UBND ngày 07/8/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 11/01/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quy định tỷ lệ chi phí chung và lợi nhuận định mức trong dự toán dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đặt hàng, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đối với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế do tỉnh quản lý giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 13/12/2011 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh và chi ngân sách địa phương năm 2012;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 427/SXD-KTKHXD&HT ngày 31/5/2012 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1574/STC-TCDN ngày 05/7/2012,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán kinh phí đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích năm 2012 đối với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi là 9.940.309.000 đồng (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*) từ nguồn kinh phí xử lý môi trường đã được UBND tỉnh bố trí tại Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2012, trong đó:

- |  |                     |
|--|---------------------|
| a) Công tác xử lý rác:                   | 2.692.727.000 đồng; |
| b) Duy tu bảo dưỡng hệ thống thoát nước: | 6.911.862.000 đồng; |
| c) Công tác quản trang:                  | 86.135.000 đồng;    |
| d) Công tác quản lý nhà tang lễ:         | 249.586.000 đồng.   |

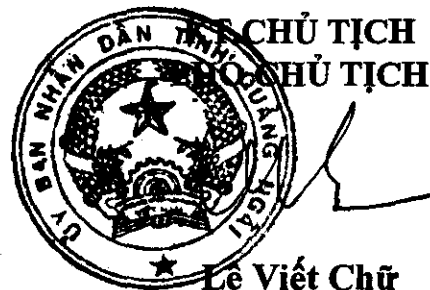
**Điều 2.** Sở Xây dựng có trách nhiệm ký hợp đồng đặt hàng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị theo dự toán kinh phí tại Điều 1 Quyết định này và quy định tại Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ngành và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PVP(CN), KTTH, CB;
- Lưu: VT, CNXD.tlsáng.340.

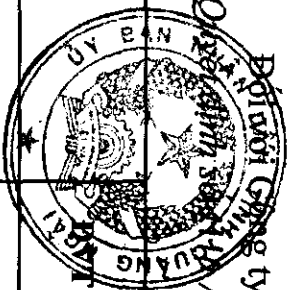


**Phụ lục**

**DỰ TOÀN KINH PHÍ ĐẶT HÀNG NĂM 2012**

Đội môi trường tự Có phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi  
(Kèm theo Quyết định số 100/OD-UBND ngày 30/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: đồng



TT	Nội dung công việc	K.lượng	Đơn giá			CP nhân công* hệ số K=2,87	Thành tiền
			Vật liệu	Nhân công	Máy thi công		
A	Công tác xử lý rác (Công tác xử lý rác với kỹ thuật đơn giản)						2,692,726,088
I	Chi phí trực tiếp	tấn	61,045	5,206	10,961	14,941	2,041,907,635
II	Chi phí chung						547,252,065
III	Lợi nhuận định mức						103,566,388
B	Chi phí quản lý nhà tang lễ						249,586,320
C	Chi phí quản trang						86,135,440
D	Duy tu bảo dưỡng hệ thống thoát nước						6,911,862,819
I	Chi phí trực tiếp						4,095,600,643
I	Công tác nạo vét	m <sup>3</sup> bùn					3,783,852,243
1.1	Nạo vét mương đất	m <sup>3</sup> bùn	1,375.00	189,965		545,200	749,649,381
1.2	Nạo vét mương xây	m <sup>3</sup> bùn	736.00	327,419		939,693	691,613,702
1.3	Nạo vét hố thấm + hố thu	m <sup>3</sup> bùn	1,205.00	262,553		753,527	908,000,168
1.4	Nạo vét lòng cống DK tb 800-1000 (bằng thu công)	m <sup>3</sup> bùn	403.00	447,088		1,283,143 0	517,106,452
1.5	Nạo vét lòng cống DK tb 800-1000 (bằng cụm tời nạo vét)	m <sup>3</sup> bùn	202.00	178,835	52,775	513,256 0	114,338,353
1.6	Vận chuyển bùn về bãi chôn lấp bằng xe ô tô	m <sup>3</sup> bùn	3,004.00	63,361	81,928	181,846	792,377,306
1.7	Tuần tra bảo dưỡng mương lộ thiên	km	14.20	264,192		758,231	10,766,881
2	Duy tu sửa chữa hệ thống thoát nước						311,748,401
2.1	Thay tấm đan bê tông hố thấm	tấm	146.00	41,462		118,996	122,966,447
2.2	Thay tấm đan gang hố thu (470*700*80)	tấm	36.00	41,462		118,996	79,966,870
2.3	Thay tấm đan gang hố thu (380*800*80)	tấm	1.00	41,462		118,996	2,061,552
2.4	Thay tấm đan gang hố thu (500*1000*80)	tấm	24.00	41,462		118,996	79,535,735
2.5	Thay tấm đan gang hố thu (700*750*80)	tấm	7.00	41,462		118,996	24,316,173

2.6	Vận chuyển tâm đan gang ( 68tâm/năm)	20tâm	3.40			853,419		2,901,625
II	Chi phí chung ( 60% chi phí nhân công)							2,131,527,067
III	Lợi nhuận định mức ( 4%)							249,085,108
IV	Công tác quản lý, vận hành trạm bơm thoát nước Bàu Cả							285,650,000
IV	Các sửa chữa khác							150,000,000
<b>Tổng cộng</b>								<b>9,940,310,667</b>

Quy tròn: 9.940.310.000 đồng (Chín tỷ chín trăm bốn mươi triệu ba trăm mười ngàn đồng)/.